

**CHÍNH PHỦ**

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 01/2003/  
ND-CP ngày 09/1/2003 về việc sửa  
đổi, bổ sung một số điều của  
Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành  
kèm theo Nghị định số 12/CP ngày  
26/1/1995 của Chính phủ.**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng  
12 năm 2001;*

*Căn cứ Bộ Luật Lao động năm 1994; Luật sửa  
đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Lao động  
ngày 02 tháng 4 năm 2002;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động -  
Thương binh và Xã hội,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều  
lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị  
định số 12/CP ngày 26 tháng 01 năm 1995 của  
Chính phủ căn cứ theo Luật sửa đổi, bổ sung một  
số điều của Bộ Luật Lao động như sau:

**1. Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:**

**"Điều 3.** Đối tượng áp dụng bảo hiểm xã hội  
bắt buộc gồm:

1. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao  
động có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên và hợp  
đồng lao động không xác định thời hạn trong các  
doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức sau:

- a) Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo  
Luật Doanh nghiệp nhà nước;
- b) Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật  
Doanh nghiệp;
- c) Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo  
Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

d) Doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức  
chính trị - xã hội;

đ) Hộ sản xuất, kinh doanh cá thể, tổ hợp tác;

e) Các cơ quan hành chính, sự nghiệp, tổ chức  
chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính  
trị - xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội nghề  
nghiệp, tổ chức xã hội khác, lực lượng vũ trang;

g) Cơ sở bán công, dân lập, tư nhân thuộc các  
ngành văn hóa, y tế, giáo dục, đào tạo, khoa học,  
thể dục thể thao và các ngành sự nghiệp khác;

h) Trạm y tế xã, phường, trị trấn;

i) Cơ quan, tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức  
quốc tế tại Việt Nam, trừ trường hợp Điều ước  
quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  
ký kết hoặc tham gia có quy định khác;

k) Các tổ chức khác có sử dụng lao động.

2. Cán bộ, công chức, viên chức theo Pháp lệnh  
Cán bộ, công chức.

3. Người lao động, xã viên làm việc và hưởng  
tiền công theo hợp đồng lao động từ đủ 3 tháng  
trở lên trong các hợp tác xã thành lập, hoạt động  
theo Luật Hợp tác xã.

4. Người lao động làm việc tại các doanh  
nghiệp, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 1,  
khoản 3 và khoản 6 Điều này, làm việc theo hợp  
đồng lao động có thời hạn dưới 3 tháng, khi hết  
hạn hợp đồng lao động mà người lao động tiếp tục  
làm việc hoặc giao kết hợp đồng lao động mới đối  
với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đó thì phải  
tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc.

5. Người lao động quy định tại các khoản 1, 2,  
3, 4 và khoản 6 Điều này đi học, thực tập, công  
tác, điều dưỡng trong và ngoài nước mà vẫn  
hưởng tiền lương hoặc tiền công thì cũng thuộc  
đối tượng thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc.

6. Người lao động làm việc và hưởng tiền lương,  
tiền công theo hợp đồng lao động từ đủ 3 tháng trở  
lên trong các doanh nghiệp nông nghiệp, lâm  
nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp.

Đối với người lao động làm việc tại các doanh

ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp đã thực hiện giao khoán đất có quy định riêng.”

## **2. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:**

**"Điều 10.** Lao động nữ có thai, sinh con khi nghỉ việc theo Điều 11 và Điều 12 Điều lệ này được hưởng trợ cấp thai sản.

## **3. Bổ sung Điều 24a như sau:**

### **"Điều 24a.**

1. Người lao động tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc được hưởng chế độ nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe trong các trường hợp sau đây:

a) Có đủ 3 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên tại doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức mà bị suy giảm sức khỏe.

b) Sau khi điều trị do ốm đau, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp mà chưa phục hồi sức khỏe.

c) Lao động nữ yếu sức khỏe sau khi nghỉ thai sản.

2. Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe từ 05 đến 10 ngày trong một năm tùy thuộc vào mức độ suy giảm sức khỏe của người lao động.

Thời gian nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe của người lao động không bị trừ vào thời gian nghỉ hàng năm và không được hưởng tiền lương, trừ trường hợp doanh nghiệp và người lao động có thỏa thuận.

3. Mức chi phí nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định sau khi trao đổi thống nhất với Bộ Tài chính và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Bảo hiểm xã hội Việt Nam tổ chức quản lý, cấp và quyết toán kinh phí nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe cho từng doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức.

4. Kinh phí để thực hiện nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe do Quỹ bảo hiểm xã hội bảo đảm bằng 0,6% tổng Quỹ tiền lương thực đóng bảo hiểm xã hội được trích trong nguồn 5% tính trên tổng Quỹ tiền lương thực đóng bảo hiểm xã hội

của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức cho 3 chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp. Trường hợp nguồn kinh phí được trích không đủ chi một định suất nghỉ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe theo quy định thì doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức bổ sung từ Quỹ phúc lợi hoặc chuyển sang năm sau thực hiện.”

## **4. Sửa đổi, bổ sung Điều 27 như sau:**

a) Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 27 như sau:

"a) Người lao động có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 15 năm thì được tính bằng 45% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 3% đối với lao động nữ và 2% đối với lao động nam. Mức lương hưu hàng tháng tối đa bằng 75% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội."

b) Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 1 Điều 27 như sau:

"b) Đối với người lao động hưởng chế độ hưu trí hàng tháng với mức lương hưu thấp hơn theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 26 thì cách tính lương hưu như quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27, nhưng cứ mỗi năm nghỉ việc hưởng lương hưu trước tuổi so với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 25 thì giảm đi 1% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội."

Riêng đối với người lao động nam đủ 55 tuổi đến dưới 60 tuổi, nữ đủ 50 tuổi đến dưới 55 tuổi và có thời gian đóng bảo hiểm xã hội đủ 30 năm trở lên, có nguyện vọng về hưu thì được hưởng lương hưu như cách tính quy định tại điểm a khoản 1 Điều 27, nhưng mỗi năm nghỉ việc hưởng lương hưu trước tuổi không phải giảm 1% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội."

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 27 như sau:

"2. Ngoài lương hưu hàng tháng, lao động nữ có thời gian đóng bảo hiểm xã hội trên 25 năm, lao động nam có thời gian đóng bảo hiểm xã hội trên

30 năm, khi nghỉ hưu được trợ cấp một lần theo cách tính như sau: từ năm thứ 26 trở lên đối với lao động nữ, từ năm thứ 31 trở lên đối với lao động nam, mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được nhận bằng một nửa (1/2) tháng mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội, nhưng tối đa không quá 5 tháng.”

**5. Sửa đổi, bổ sung Điều 28 như sau:**

**"Điều 28.**

1. Những trường hợp sau đây được hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội 1 lần, cứ mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội được tính bằng 1 tháng mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội:

a) Người lao động nghỉ việc đã đủ tuổi nghỉ hưu hoặc suy giảm khả năng lao động từ 61% trở lên do ốm đau, tai nạn, bệnh nghề nghiệp, nhưng chưa đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội để hưởng chế độ hưu trí hàng tháng theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 Điều lệ này.

b) Người đi định cư hợp pháp ở nước ngoài.

2. Người lao động nghỉ việc nhưng chưa đủ tuổi nghỉ hưu mà đã có đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 25, khoản 2 và khoản 3 Điều 26 Điều lệ này thì có thể chờ đến khi đủ tuổi nghỉ hưu để hưởng chế độ hưu trí hàng tháng hoặc bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội để đến khi có điều kiện thì tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội.

3. Người lao động nghỉ việc nhưng chưa đủ tuổi nghỉ hưu và chưa đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 25 và Điều 26 Điều lệ này thì được cấp sổ bảo hiểm xã hội và bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội để đến khi có điều kiện thì tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội, kể cả những người có tên trong danh sách của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức mà nghỉ chờ việc trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 nhưng chưa nhận trợ cấp một lần.”

**6. Bổ sung vào cuối khoản 1 Điều 29 một đoạn như sau:**

"Riêng đối với người lao động đã có thời gian

đóng bảo hiểm xã hội đủ 15 năm trở lên theo các mức tiền lương thuộc công việc nặng nhọc, độc hại hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại trong thang lương, bảng lương do Nhà nước quy định mà chuyển sang làm công việc khác đóng bảo hiểm xã hội có mức lương thấp hơn thì khi nghỉ hưu được lấy các mức lương cấp bậc của 5 năm liền kề làm công việc nặng nhọc, độc hại để tính mức bình quân tiền lương làm cơ sở tính hưởng lương hưu.”

**7. Bổ sung Điều 35a như sau:**

**"Điều 35a.** Cách tính thời gian đóng bảo hiểm xã hội để giải quyết chế độ được quy định như sau: có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 3 tháng đến 6 tháng thì được tính nửa (1/2) năm; từ trên 6 tháng được tính tròn là 1 năm.”

**8. Bổ sung khoản 5 vào Điều 36 như sau:**

**"5.** Tiên sinh lời của quỹ.”

**9. Bổ sung Điều 36a như sau:**

**"Điều 36a.** Thời gian người lao động nữ nghỉ việc trước và sau khi sinh con theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 12 và thời gian người lao động nghỉ việc để nuôi con nuôi sơ sinh theo quy định tại Điều 13 Điều lệ này được tính là thời gian để hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội. Trong thời gian nghỉ này, người lao động và người sử dụng lao động không phải đóng bảo hiểm xã hội mà do Quỹ bảo hiểm xã hội bảo đảm.”

**Điều 2.** Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 1 năm 2003.

Bãi bỏ Nghị định số 93/1998/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 1998 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Điều lệ Bảo hiểm xã hội ban hành kèm theo Nghị định số 12/CP ngày 26 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ và Quyết định số 37/QĐ-TTg ngày 21 tháng 3 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ dưỡng sức, phục hồi sức khỏe của người lao động.

Không tính lại chế độ bảo hiểm xã hội cho các đối tượng hưởng bảo hiểm xã hội trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

**Điều 3.** Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh

và Xã hội chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Nghị định này sau khi trao đổi ý kiến với Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

**Điều 4.** Bộ trưởng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với cán bộ chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và người lao động thuộc trạm y tế xã, phường, thị trấn quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này, sau khi trao đổi ý kiến với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Tài chính.

**Điều 5.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ  
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

## THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 02/2003/QĐ-TTg ngày 02/01/2003 về việc ban hành Quy chế Quản lý tài chính đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam.**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Nghị định số 12/CP ngày 26 tháng 01*

*năm 1995 của Chính phủ về ban hành Điều lệ Bảo hiểm xã hội;*

*Căn cứ Nghị định số 45/CP ngày 15 tháng 7 năm 1995 của Chính phủ về ban hành Điều lệ Bảo hiểm xã hội đối với sỹ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sỹ quan, binh sỹ Quân đội nhân dân và Công an nhân dân;*

*Căn cứ Nghị định số 58/1998/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 1998 của Chính phủ về ban hành Điều lệ Bảo hiểm y tế;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2002/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2002 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm và tổ chức bộ máy của Bảo hiểm xã hội Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế Quản lý tài chính đối với Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2003, những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

**Điều 3.** Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành bản Quy chế ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 4.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Hội đồng quản lý Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Thủ tướng Chính phủ

PHAN VĂN KHẢI

9640562